

Bản án số: **06/2022/DS-PT**

Ngày: 07 - 01- 2022

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 148/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2021 và Thông báo dời phiên tòa số 202/2021/QĐPT-DS, ngày 17 tháng 21 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Xuân R, sinh năm 1975; địa chỉ: Số x, ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* 1. Bà Trương Ngọc M, sinh năm 1975 (có mặt);

2. Ông Võ Thành Q, sinh năm 1977(có mặt);

3. Chị Võ Ngọc H, sinh năm 2001(có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Minh T, sinh năm 2002; địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị Võ Ngọc H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 26/11/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Xuân R trình bày: Con của ông Trần Xuân R là Trần Minh T và con bà Trương Ngọc M, ông Võ Thành Q là chị Võ Ngọc H quen biết tìm hiểu nhau, sau đó hai bên gia đình thống nhất bàn bạc đi đến hôn nhân cho cháu T và cháu H. Ngày 25/2/2020 âm lịch, gia đình hai bên thống nhất tổ chức lễ đi hai mâm đồ theo phong tục địa phương (lễ gắn bông hoặc lễ dạm ngõ), nhưng thống nhất không tổ chức lễ hỏi. Gia đình ông R (nhà trai) có trao cho bên gia đình bà M, ông Q (nhà gái) số vàng cưới là 09 chỉ vàng 24kara, loại vàng thị trường 97%, gồm: Đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kara, 01 lắc tay 03 chỉ vàng 24kara, 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 24kara, 01 nhẫn 02 chỉ vàng 24kara (tổng giá trị vàng tạm tính khi quy đổi là 5.000.000đồng/chỉ x 9 chỉ = 45.000.000đồng) và 30.000.000đồng tiền nạp tài để tổ chức lễ cưới cho Trần Minh T và Võ Ngọc H. Tổng cộng số tiền là 75.000.000đồng.

Khi cho vàng ông có nói là cho con dâu trong ngày cưới, tức là với điều kiện khi chị H và con trai ông R là anh T tổ chức lễ cưới nên nghĩa vợ chồng. Hai bên gia đình bàn bạc và thống nhất thời gian tổ chức lễ cưới là vào ngày 06/3/2020 âm lịch, nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên không thể tổ chức đúng thời gian dự kiến. Trên cơ sở bàn bạc, hai gia đình thống nhất dời ngày tổ chức lễ cưới lại vào ngày 06/9/2020 âm lịch. Hai gia đình chỉ bàn bạc về việc tổ chức lễ cưới cũng như định ngày cưới, ngoài ra không bàn về điều kiện hay vấn đề gì khác, tuy nhiên sau đó đến tháng 7/2020 âm lịch chị H trực tiếp đến nhà ông yêu cầu dời lễ cưới lại thêm 02 năm nữa với lý do bà H và ông T cần thời gian tìm hiểu thêm, ông R có hỏi ý kiến anh T thì anh T không đồng ý với yêu cầu của chị H do đó ông R cũng không đồng ý việc dời lễ cưới. Ông R nhiều lần tìm cách liên lạc để hai gia đình thỏa thuận nhưng gia đình chị H đều tránh mặt. Ngày 26/10/2020 Tổ hòa giải ấp T, xã L có tiến hành tổ chức cho hai bên hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, ông R xin rút phần một yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Trương Ngọc M, ông Võ Thành Q và chị Võ Ngọc H phải trả số tiền nạp tài là 30.000.000đồng và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị Võ Ngọc H có nghĩa vụ trả 09 chỉ vàng 24kara cho ông. Ông thống nhất quy đổi giá trị tranh chấp của 09 chỉ vàng 24kara là 45.000.000đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Trương Ngọc M trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông R về việc vào ngày 25/2/2020 âm lịch, gia đình hai bên thống nhất tổ chức lễ đi hai mâm đồ theo phong tục địa phương (lễ gắn bông cho cô dâu hoặc lễ dạm ngõ), nhưng thống nhất không tổ chức lễ hỏi. Gia đình ông R có trao cho bên gia đình bà (nhà gái) số vàng cưới là 09 chỉ vàng 24kara, loại vàng thị trường 97%, gồm: Đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kara, 01 lắc tay 03 chỉ vàng 24kara, 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 24kara, 01 nhẫn 02 chỉ vàng 24kara và 30.000.000đồng tiền nạp tài để tổ chức lễ cưới cho con trai ông R là

Trần Minh T và con gái bà là Võ Ngọc H đúng như ông R trình bày, tuy nhiên số tiền 30.000.000đồng bà là người trực tiếp nhận từ ông R còn 09 chỉ vàng 24kara thì con gái bà là Võ Ngọc H nhận. Khi ông R cho vàng có nói là cho con dâu khi hai gia đình tổ chức lễ cưới cho T và H đi đến hôn nhân. Hai bên gia đình bàn bạc và thống nhất thời gian tổ chức lễ cưới là vào ngày 06/3/2020 âm lịch, nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên không thể tổ chức đúng thời gian dự kiến. Trên cơ sở bàn bạc hai gia đình thống nhất dời ngày tổ chức lễ cưới lại vào ngày 06/9/2020 âm lịch. Hai gia đình chỉ bàn bạc về việc tổ chức lễ cưới cũng như định ngày cưới, ngoài ra không bàn về vấn đề điều kiện hay vấn đề gì khác. Sau đó đến ngày 02/7/2020 âm lịch chị H có sang nhà ông R để kêu Trần Minh T cùng đi làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, tuy nhiên ông R nói 02 năm nữa T mới đủ tuổi đăng ký kết hôn nên hỏi T có đồng ý đợi 02 năm nữa cưới không thì T nói không đồng ý do đó chị H yêu cầu dời lễ cưới thêm 02 năm nữa thì xảy ra mâu thuẫn. Từ đó hai gia đình không liên lạc với nhau và sự việc tranh chấp xảy ra khi ông R yêu cầu đòi lại số tiền và vàng nêu trên. Sự việc có đưa ra giải quyết tại ấp T, xã L nhưng việc hòa giải không thành.

Nay ông R xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nạp tài là 30.000.000đồng và thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc chỉ yêu cầu chị Võ Ngọc H có nghĩa vụ trả cho 09 chỉ vàng 24kara tương ứng với số tiền là 45.000.000đồng thì bà thống nhất việc rút và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này. Trong vụ án này bà M không có yêu cầu phản tố và cũng không có tranh chấp gì. Tuy nhiên đối với yêu cầu buộc con gái của bà là chị Võ Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông R 09 chỉ vàng 24kara tương ứng với số tiền là 45.000.000đồng thì bà có ý kiến không đồng ý vì lỗi dẫn đến việc hủy lễ cưới không phải hoàn toàn của gia đình bà; cháu T, cháu H đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ lâu, số vàng hiện nay cũng không còn.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Thành Q trình bày:* Ông là chồng của bà Trương Ngọc M và là cha ruột của chị Võ Ngọc H. Ông hoàn toàn thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn bà Trương Ngọc M, ông không có tranh chấp gì trong vụ án này.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Võ Ngọc H trình bày:*

Thông nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về việc ngày 25/2/2020 âm lịch, gia đình hai bên thống nhất tổ chức lễ đi hai mâm đồ theo phong tục địa phương (lễ gấn bông cho cô dâu hoặc lễ dạm ngõ), nhưng thống nhất không tổ chức lễ hỏi. Gia đình ông R có cho gia đình bà 09 chỉ vàng 24kara, loại vàng thị trường 97%, gồm: Đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kara, 01 lắc tay 03 chỉ vàng 24kara, 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 24kara, 01 nhẫn 02 chỉ vàng 24kara và 30.000.000đồng tiền nạp tài để tổ chức lễ cưới cho bà và con trai ông R là Trần Minh T đúng như ông R trình bày, tuy nhiên số tiền 30.000.000đồng thì bà M là người trực tiếp nhận từ ông R còn 09 chỉ vàng 24kara thì chị nhận. Khi ông R trao vàng có nói là cho con dâu khi hai gia đình tổ chức lễ cưới cho T và tôi đi đến hôn nhân. Hai bên gia đình bàn bạc và thống nhất thời gian tổ chức lễ cưới là vào ngày

06/3/2020 âm lịch, nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên không thể tổ chức đúng thời gian dự kiến. Trên cơ sở bàn bạc, hai gia đình thống nhất dời ngày tổ chức lễ cưới lại vào ngày 06/9/2020 âm lịch. Hai gia đình chỉ bàn bạc về việc tổ chức lễ cưới cũng như định ngày cưới, ngoài ra không bàn về vấn đề điều kiện hay vấn đề gì khác. Sau đó đến tháng 7/2020 âm lịch chị có sang nhà ông R yêu cầu dời lễ cưới lại 02 năm nữa đợi Thiên mới đủ tuổi để đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới lớn, đồng thời giai đoạn này chị và ông T cũng thường xuyên cãi nhau nên cần thời gian tìm hiểu thêm nhưng ông T không đồng ý. Từ đó hai gia đình không liên lạc với nhau và sự việc tranh chấp xảy ra khi ông R yêu cầu đòi lại số tiền và vàng nêu trên. Sự việc có đưa ra giải quyết tại ấp T, xã L nhưng việc hòa giải không thành.

Nay ông R xin rút lại yêu cầu khởi kiện buộc đối với số tiền nạp tài 30.000.000đồng và thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc chỉ yêu cầu chị có nghĩa vụ trả cho 09 chỉ vàng 24kara tương ứng với số tiền là 45.000.000đồng thì chị thống nhất việc rút và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông R buộc bà có nghĩa vụ trả cho ông R 09 chỉ vàng 24kara tương ứng với số tiền là 45.000.000đồng thì chị không đồng ý vì lỗi dẫn đến việc lễ cưới không thể diễn ra không phải hoàn toàn của chị. Mặt khác, chị và anh T đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ sau lễ đi hai mâm đồ, số vàng hiện nay cũng không còn do bà đã bán và tiêu sài cá nhân hết, số vàng nêu trên xem như là đền bù danh dự cho chị. Trong vụ án này chị không có yêu cầu phản tố, hay yêu cầu gì khác.

Chị H thống nhất quy đổi giá trị tranh chấp của 09 chỉ vàng 24kara là 45.000.000đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh T trình bày:

Anh và chị Võ Ngọc H có mối quan hệ tình cảm với nhau do có quen biết trước đó nên 25/2/2020 âm lịch, gia đình hai bên thống nhất tổ chức lễ đi hai mâm đồ theo phong tục địa phương (lễ gắn bông cho cô dâu hoặc lễ dạm ngõ), nhưng thống nhất không tổ chức lễ hỏi. Ông R có cho bên gia đình chị H số vàng cưới là 09 chỉ vàng 24kara, loại vàng thị trường 97%, gồm: Đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kara, 01 lắc tay 03 chỉ vàng 24kara, 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 24kara, 01 nhẫn 02 chỉ vàng 24kara và 30.000.000đồng tiền nạp tài để tổ chức lễ cưới cho tôi và chị Võ Ngọc H đúng như ông R trình bày. Hai bên gia đình bàn bạc và thống nhất thời gian tổ chức lễ cưới là vào ngày 06/3/2020 âm lịch, nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên không thể tổ chức đúng thời gian dự kiến. Trên cơ sở bàn bạc, hai gia đình thống nhất dời ngày tổ chức lễ cưới lại vào ngày 06/9/2020 âm lịch. Sau đó đến ngày 02/7/2020 âm lịch chị H có sang nhà ông R yêu cầu dời lễ cưới lại 02 năm nữa để tổ chức lễ cưới lớn nhưng anh không đồng ý và nói nếu không cưới vào tháng 9/2020 âm lịch thì kêu gia đình nhà gái qua hỏi, trả lại sính lễ. Từ đó hai gia đình không liên lạc với nhau và sự việc tranh chấp xảy ra khi ông R yêu cầu đòi lại số tiền và vàng nêu trên.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông R buộc chị Võ Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông R 09 chỉ vàng 24kara tương ứng với số tiền là 45.000.000 đồng thì ông không có ý kiến gì vì số vàng và tiền này là ông R trao cho chị H để làm điều kiện sau này anh và chị H kết hôn nên nghĩa vợ chồng nhưng nay sự việc kết hôn không diễn ra được do bà H tự ý yêu cầu dời lễ cưới thêm 02 năm nữa, dẫn đến lễ cưới của anh và chị H bị hủy. Ngoài ra việc chị H cho rằng đã chung sống như vợ chồng với anh là không có. Trong vụ án này anh không có yêu cầu độc lập hay yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, đã tuyên xử:

1. Buộc chị Võ Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Xuân R số tiền là 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn ông Trần Xuân R có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bị đơn chị Võ Ngọc H còn phải chịu lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện về việc ông Trần Xuân R yêu cầu bà Trương Ngọc M, ông Võ Thành Q và chị Võ Ngọc H có nghĩa vụ trả số tiền nạp tài là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/6/2021, chị Võ Ngọc H làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án nhận định lỗi dẫn đến hai bên không đám cưới được là do chị xin hoãn đám cưới, nên đám cưới không diễn ra và buộc chị phải trả vàng là không có căn cứ; Sau khi làm lễ gắn bông thì anh chị đã chung sống với nhau như vợ chồng, vì tin tưởng anh T nhưng sau đó anh T không thừa nhận làm cho chị cảm thấy mất lòng tin và mất hết danh dự của chị cùng với gia đình, chị cũng muốn anh chị tiếp tục tiến đến hôn nhân chứ không hề muốn hủy, do gia đình anh T ép buộc; số tiền 45.000.000 đồng quy từ 9 chỉ vàng 24k, đây là nữ trang tặng cho cô dâu nên tài sản này là của chị và chị không đồng ý trả lại cho ông R. Do đó, chị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông R.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn ông Trần Xuân R vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía bị đơn chị Võ Ngọc H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị sửa án sơ thẩm

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng kháng cáo: Đơn kháng cáo của phía bị đơn Võ Ngọc H đều trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp, đối tượng giải quyết và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ tranh chấp về: “Tranh chấp đòi lại tài sản là 9 chỉ vàng 24k”.

Quan hệ pháp luật trên được quy định tại các Điều 166 và Điều 462 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp, đối tượng và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại Điều 26, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng năm 2015.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của chị Võ Ngọc H. Xét thấy:

[3.1] Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận, anh Trần Minh T và chị Võ Ngọc H có mối quan hệ tình cảm với nhau nên ngày 25/2/2020 âm lịch, gia đình hai bên thống nhất tổ chức lễ đi hai mâm đồ theo phong tục địa phương. Tại buổi lễ ông R có trao cho chị H 09 chỉ vàng 24kara, loại vàng thị trường 97%, gồm: Đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kara, 01 lắc tay 03 chỉ vàng 24kara, 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 24kara, 01 nhẫn 02 chỉ vàng 24kara, chị H là người trực tiếp nhận và quản lý số vàng này. Hai bên gia đình bàn bạc và thống nhất thời gian tổ chức lễ cưới của Thiên và Huệ là vào ngày 06/3/2020 âm lịch, sau đó do tình hình dịch bệnh Covid-19, không thể tổ chức đúng thời gian dự kiến nên hai bên thống nhất dời ngày tổ chức lễ cưới lại vào ngày 06/9/2020 âm lịch. Hai gia đình chỉ bàn bạc về việc tổ chức lễ cưới cũng như định ngày cưới, nhưng gia đình hai bên không bàn đến tuổi kết hôn của anh Thiện và chị H hay vấn đề gì khác. Đến tháng 7/2020 âm lịch chị H có sang nhà ông R yêu cầu dời lại 02 năm nữa mới tổ chức lễ cưới, ông R không đồng ý nên lễ cưới đã không diễn ra theo thời gian đã định trước dẫn đến lễ cưới bị hủy. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án, nên cấp sơ thẩm khẳng định việc chị H có nhận của ông R 09 chỉ vàng 24kara vào ngày 25/02/2020 âm lịch là sự thật.

[3.2] Theo kháng cáo của chị H, cho rằng số tiền 45.000.000 đồng quy từ 09 chỉ vàng 24k, đây là nữ trang tặng cho cô dâu nên tài sản này là của chị và chị không đồng ý trả lại cho ông R, nên chị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông R. Xét thấy, việc ông R trao vàng trong ngày lễ gắn bông theo phong tục tại địa phương cho chị Võ Ngọc H

được xem là giao dịch tặng cho có điều kiện, điều kiện trong trường hợp này là sau đó con trai ông R là anh T và chị H sẽ tổ chức lễ cưới theo ngày, giờ đã định tiến đến hôn nhân. Thế nhưng, xuất phát từ việc chị H yêu cầu hoãn việc tổ chức lễ cưới vào thời gian đã định, dời lại thêm 02 năm nữa nhưng phía gia đình ông R không đồng ý nên hai gia đình phát sinh tranh chấp dẫn đến lễ cưới không thể diễn ra, có nghĩa là, điều kiện tặng cho đã không được thực hiện trên thực tế, anh T và chị H chưa phát sinh quan hệ vợ chồng. Theo quy định tại Điều 462 Bộ luật dân sự, bên tặng cho có quyền đòi lại tài sản. Việc chị H cho rằng lý do vào tháng 7/2020 âm lịch chị có yêu cầu dời lễ cưới thêm 02 năm nữa vì thời điểm này anh T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nếu lễ cưới diễn ra thì chính quyền địa phương không cho phép tổ chức quy mô lớn. Tuy nhiên chị H và anh T đã quen biết nhau từ trước, biết rõ về thông tin của nhau, cả hai đều thừa nhận trong quá trình quen biết, tìm hiểu thì đều đến thăm hỏi gia đình hai bên và tại buổi lễ gắn bông hai gia đình đã bàn bạc và thống nhất thời gian tổ chức lễ cưới cụ thể lần đầu là ngày 06/3/2020 âm lịch và sau đó dời lại vào ngày 06/9/2020 âm lịch. Tại các thời điểm thống nhất ngày, giờ cụ thể tổ chức lễ cưới hai gia đình hoàn toàn không đề cập đến việc con trai ông R là Trần Minh T phải đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định, hai gia đình chỉ bàn bạc về việc tổ chức lễ cưới cũng như định ngày cưới, không bàn về tuổi của anh T và chị H hay vấn đề gì khác. Ngoài ra theo phong tục tập quán tại địa phương, tại lễ gắn bông khi gia đình nhà trai và gia đình nhà gái cùng bàn bạc việc tiến đến lễ cưới thì đều căn cứ vào ngày, tháng, năm sinh của người nam và người nữ trên cơ sở đó chọn ngày, giờ tổ chức lễ cưới phù hợp. Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận tại buổi lễ gắn bông các bên đều không đề cập gì về việc anh T phải đủ tuổi đăng ký kết hôn thì mới tổ chức lễ cưới, do đó đồng nghĩa với chị H và gia đình không có ý kiến về tuổi của anh T, không phản đối về tuổi mà vẫn thống nhất cho tổ chức lễ cưới theo thời gian mà các bên đã định; đồng thời chị H và anh T tự nguyện xin phép gia đình tổ chức lễ cưới, không có ai ép buộc. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên” mới được quyền kết hôn, hai bên gia đình trai gái ấn định ngày kết hôn cho anh Thiện và chị H ngày 6/9/2020AL tức ngày 22/10/2020 DL thì anh T chưa đủ 17 tuổi, nên việc không thể kết hôn được đều do lỗi của cả gia đình của hai bên trai gái, chị H và anh T. Do đó, chị H cho rằng lý do bà yêu cầu dời lại lễ cưới thêm 02 năm nữa là do anh T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn và trong khoảng thời gian này bà đã tự nguyện chung sống như vợ chồng với anh T nên hiện nay lễ cưới không diễn ra, chị và anh T không nên nghĩa vợ chồng thì số vàng trên xem như đền bù danh dự, nhân phẩm cho chị, chị hoàn toàn không có lỗi là không phù hợp với nội dung các bên đã thỏa thuận và thống nhất trước đó. Mặt khác anh Trần Minh T cũng không thừa nhận việc anh và chị H có khoảng thời gian chung sống như vợ chồng như chị H trình bày; chị H cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc này và cũng không chứng minh được thiệt hại về danh dự, nhân phẩm của mình. Do đó, việc ông R trao tặng cho chị H 09 chỉ vàng 24kara tương đương số tiền là 45.000.0.00đồng chỉ hoàn thành khi anh T và chị H tổ chức lễ cưới vào ngày 06/9/2020 âm lịch nên nghĩa vợ chồng, do lễ cưới không diễn ra nên số vàng chưa phải là tài sản của bên

được tặng cho là chị H, lỗi trong trường hợp này thuộc về cả gia đình hai bên trai gái, có chị H và anh T. Tuy nhiên, không thể lấy lỗi không kết hôn để chị H không trả vàng cho ông R là không đúng, vì mục đích ông R cho vàng là anh T và chị H phải đi đến hôn nhân. Do đó yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Xuân R buộc bị đơn chị Võ Ngọc H trả 09 chỉ vàng 24kara tương đương số tiền 45.000.000đồng là có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 166, Điều 462 Bộ luật Dân sự, nên kháng cáo của chị H phần này không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với giá trị tài sản tranh chấp, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị H xác định hiện nay 09 chỉ vàng 24kara nêu trên không còn do chị đã bán tiêu sái cá nhân; ông R và chị H thống nhất quy đổi giá trị 09 chỉ vàng 24kara là 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng. Do đó Hội đồng xét xử xác định giá trị tranh chấp là 45.000.000đồng (Bốn mươi lăm triệu) đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân R là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn chị Võ Ngọc H là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông R đồng ý cho chị H đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k là hoàn toàn tự nguyện và không ai ép buộc. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của ông R.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Võ Ngọc H không được chấp nhận, nên người kháng cáo chị Võ Ngọc H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Ngọc H.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Xuân R đồng ý cho chị Võ Ngọc H 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 462 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Võ Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Xuân R số tiền là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn ông Trần Xuân R có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bị đơn chị Võ Ngọc H còn phải chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện về việc ông Trần Xuân R yêu cầu bà Trương Ngọc M, ông Võ Thành Q và chị Võ Ngọc H có nghĩa vụ trả số tiền nạp tài là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bị đơn chị Võ Ngọc H phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Nguyên đơn ông Trần Xuân R, bị đơn bà Trương Ngọc M, ông Võ Thành Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà ông Trần Xuân R số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.875.000 (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0008072, ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn chị Võ Ngọc H phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0009273 ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bị đơn chị Võ Ngọc H đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Phụng